



## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

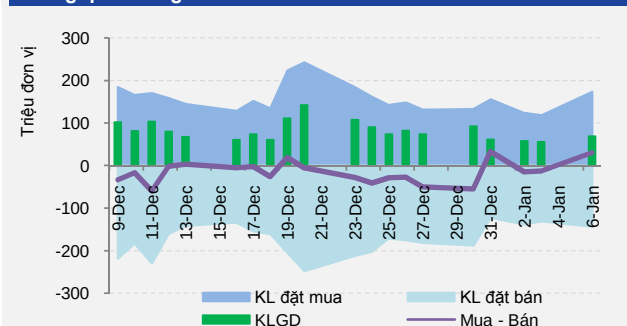
Phiên giao dịch ngày:

6/1/2014

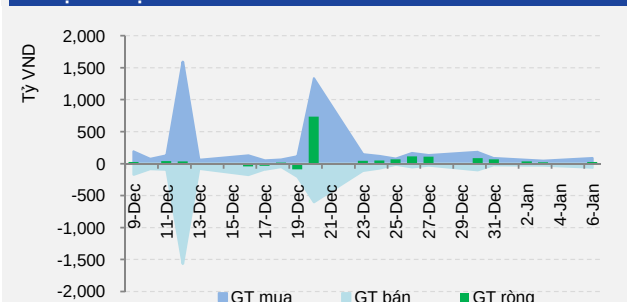
| Thông kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 509.1       | 68.8       |
| % Thay đổi          | ↑ 0.7%      | ↑ 1.3%     |
| KLGD (CP)           | 68,738,380  | 40,493,415 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 923.81      | 320.67     |
| Tổng cung (CP)      | 143,100,570 | 70,963,000 |
| Tổng cầu (CP)       | 173,179,760 | 77,910,500 |

| Giao dịch NĐTNN   | HOSE      | HNX     |
|-------------------|-----------|---------|
| KL bán (CP)       | 2,440,630 | 286,300 |
| KL mua (CP)       | 2,845,370 | 359,600 |
| GTmua (tỷ đồng)   | 85.91     | 4.22    |
| GT bán (tỷ đồng)  | 60.19     | 4.43    |
| GT ròng (tỷ đồng) | 25.72     | (0.21)  |

## Tương quan cung cầu



## Giá trị Giao dịch NĐTNN



| Ngành Cấp 1         | % thay đổi | P/E   | P/B | %GTGD |
|---------------------|------------|-------|-----|-------|
| Công nghệ Thông tin | ↑ 1.24%    | 7.3   | 1.7 | 2.5%  |
| Công nghiệp         | ↑ 1.98%    | 255.9 | 1.2 | 27.7% |
| Dầu khí             | ↑ 2.27%    | 7.8   | 1.5 | 5.2%  |
| Dịch vụ Tiêu dùng   | ↑ 0.85%    | 14.4  | 1.9 | 2.7%  |
| Dược phẩm và Y tế   | ↑ 0.99%    | 9.0   | 2.9 | 1.3%  |
| Hàng Tiêu dùng      | ↑ 0.40%    | 12.2  | 4.9 | 11.9% |
| Ngân hàng           | ↓ -0.27%   | 10.7  | 1.2 | 4.3%  |
| Nguyên vật liệu     | ↑ 0.88%    | 10.5  | 2.1 | 8.1%  |
| Tài chính           | ↑ 0.81%    | 17.3  | 2.4 | 29.2% |
| Tiện ích Cộng đồng  | ↑ 1.60%    | 9.2   | 3.3 | 7.1%  |
| VN - Index          | ↑ 0.74%    | 12.1  | 2.9 | 75.4% |
| HNX - Index         | ↑ 1.25%    | 17.6  | 1.7 | 24.6% |

| Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE | Mua     | %    | Bán     | %    |
|-------------------------------------------|---------|------|---------|------|
| KLGD (CP)                                 | 680,280 | 1.2% | 491,430 | 0.9% |
| GTGD (tỷ VND)                             | 17,732  | 2.2% | 14,135  | 1.7% |

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

**Nhận định:** Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm, quay trở lại kênh tăng giá hẹp đã thiết lập từ cuối tháng 10/2013 với KLGD tăng so với phiên trước. Dòng tiền tiếp tục có sự phân hóa dựa trên nền tảng KQKD của doanh nghiệp cũng như những ngành nghề được đánh giá có triển vọng trong năm 2014 như xuất khẩu, BĐS, XD và VLXD... Điểm tích cực là đã tăng mạnh dần về cuối phiên với độ rộng thị trường có cải thiện đáng kể, cho tín hiệu động lực thị trường cải thiện.

Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên tăng điểm khá mạnh với thanh khoản tương đương phiên giao dịch trước. Đã tăng mạnh dần về cuối phiên đi kèm với sự gia tăng của số lượng mã chứng khoán tăng điểm. Dòng tiền tiếp tục tập trung tại nhóm cổ phiếu thuộc ngành BĐS, tài chính, xây dựng, dầu khí.

Hai chỉ số Index vẫn đang dao động trong kênh tăng giá đã thiết lập từ cuối quý 3/2013. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tăng điểm trong phiên giao dịch tới. Hai ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng của VN-Index là khoảng 513 điểm, tương đương mốc đỉnh gần nhất đã thiết lập, và đường biên trên của kênh tăng giá. Ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng của HNX-Index là đường biên trên của kênh tăng giá, tương đương khoảng 69.5-70 điểm.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, hai chỉ số Index trong ngắn hạn dự báo khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, dòng tiền dự báo tiếp tục có sự phân hóa. Nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 sẽ diễn biến tích cực hơn thị trường chung.

- VN-Index tăng 3.73 điểm (0.74%), lên 509.10 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- HNX-Index tăng 0.86 điểm (1.26%), lên 68.82 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 01 chỉ đạo các giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2014, với mục tiêu GDP tăng 5.8%, CPI 7%, xuất khẩu tăng 10%. Các giải pháp bao gồm 1/ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thực hiện CSTT linh hoạt, CSTK chặt chẽ, tăng cường điều hành giá nhưng vẫn theo định hướng thị trường, ưu tiên hỗ trợ xuất khẩu; 2/ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, phát triển sản xuất kinh doanh qua việc tiếp cận vốn với lãi suất hợp lý, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp BĐS qua gói tín dụng hỗ trợ nhà ở; và 3/ tập trung cải cách thể chế, chất lượng nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Như vậy mục tiêu điều hành của Chính phủ trong năm 2014 tiếp tục ưu tiên tái cơ cấu nền kinh tế, hỗ trợ cầu nội địa qua chính sách tài khóa, thúc đẩy xuất khẩu cũng như các giải pháp về thuế, lãi suất, tạo đà tăng trưởng hợp lý.

- Tính đến giữa tháng 12/2013, giá trị giải ngân gói 30 nghìn tỷ cho vay hỗ trợ nhà ở mới chỉ đạt 555 tỷ đồng, trong tổng số 1,654 tỷ đồng cam kết. Chính phủ yêu cầu Bộ Xây dựng phối hợp với NHNN báo kết quả triển khai những biện pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường BĐS trong Tháng 3/2014, đồng thời hoàn thiện những chính sách phù hợp trong thời gian tới. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam đến khi Luật Nhà ở (sửa đổi) được Quốc hội xem xét thông qua và có hiệu lực thi hành. Nghiên cứu mở rộng quyền cho thuê, chuyển nhượng nhà ở đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam. Như vậy việc nâng cao hiệu quả các giải pháp thúc đẩy thị trường BĐS đang được các cơ quan chức năng chú trọng triển khai.



## VN-INDEX



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Đi ngang    | Tăng             | Đi ngang           |

## Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



| Minor Trend | Short term trend | Intermediate Trend |
|-------------|------------------|--------------------|
| Tăng        | Tăng             | Tăng               |

## Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 3.73 điểm (0.74%), lên 509.10 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- KLGD tăng 35% so với phiên trước, lên 68 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI14 tăng lên mức 56 điểm, động lực thị trường có cải thiện. Chỉ báo MACD 9 ngày đang tăng trở lại, tiến sát đường tín hiệu.

**Nhận định:** Chỉ số VN-Index tiếp phiên tăng điểm, quay trở lại kênh tăng giá hẹp đã thiết lập từ cuối tháng 10/2013 với KLGD tăng so với phiên trước. Dòng tiền tiếp tục có sự phân hóa dựa trên nền tảng KQKD của doanh nghiệp cũng như những ngành nghề được đánh giá có triển vọng trong năm 2014 như xuất khẩu, BĐS, XD và VLXD... Điểm tích cực là đà tăng mạnh dần về cuối phiên với độ rộng thị trường có cải thiện đáng kể, cho tín hiệu động lực thị trường cải thiện.

Chỉ số VN-Index vẫn đang trong xu hướng dao động hẹp trong kênh giá đã thiết lập từ cuối tháng 10/2013. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tăng điểm, với hai ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là khoảng 513 điểm, tương đương mốc đỉnh gần nhất đã thiết lập, và đường biên trên của kênh tăng giá.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, chỉ số VN-Index trong ngắn hạn dự báo khó thoát khỏi kênh dao động hẹp đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, dòng tiền dự báo tiếp tục có sự phân hóa. Nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 sẽ diễn biến tích cực hơn thị trường chung.

## HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.86 điểm (1.26%), lên 68.82 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- KLGD tương đương phiên giao dịch trước, ở mức 39.6 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI 14 tăng lên mức 71 điểm, tâm lý thị trường tiếp tục cải thiện. Chỉ báo MACD 9 ngày đang tăng nhẹ, tiến sát đường tín hiệu.

**Nhận định:** Chỉ số HNX-Index ghi nhận phiên tăng điểm khá mạnh với thanh khoản tương đương phiên giao dịch trước. Đà tăng mạnh dần về cuối phiên đi kèm với sự gia tăng của số lượng mã chứng khoán tăng điểm. Dòng tiền tiếp tục tập trung tại nhóm cổ phiếu thuộc ngành BĐS, tài chính, xây dựng, dầu khí.

Thị trường vẫn đang dao động trong kênh tăng giá mạnh đã thiết lập từ nửa cuối tháng 9/2013. Thị trường dự báo tiếp tục diễn biến tăng điểm, với ngưỡng cản kỹ thuật quan trọng là đường biên trên của kênh tăng giá, tương đương khoảng 69.5-70 điểm.

Với thực tế lực cầu tham gia thị trường còn thận trọng, chỉ số HNX-Index trong ngắn hạn dự báo khó thoát khỏi kênh dao động đã thiết lập. Trong xu hướng chung thị trường dao động tích lũy, dòng tiền dự báo tiếp tục có sự phân hóa. Nhóm cổ phiếu Bluechips đầu ngành, cổ phiếu thuộc ngành nghề kỳ vọng khả quan năm 2014 sẽ diễn biến tích cực hơn thị trường chung.

**TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI 9 THÁNG 2013 CAO NHẤT**

| STT | Mã         | Sàn  | Doanh thu Q3 | % so Q3.2012 | LNST Q3 (tỷ) | % so Q3.2012 | DT 9T/2013 (tỷ) | % so 9T/2012 | LNST 9T/2013 (tỷ) | % so 9T/2012 | LN 9T so KH2013 | Tỷ lệ SHNN |
|-----|------------|------|--------------|--------------|--------------|--------------|-----------------|--------------|-------------------|--------------|-----------------|------------|
| 1   | <b>GAS</b> | HOSE | 17066.94     | 104.3%       | 2989.03      | 120.4%       | 48869.23        | 92.1%        | <b>10189.98</b>   | 42.5%        | 132.5%          | 219.0%     |
| 2   | <b>VIC</b> | HOSE | 8469.59      | 660.5%       | 1874.71      | 1964.3%      | 11600.52        | 228.9%       | <b>5956.06</b>    | 340.6%       | 79.4%           | 1278.0%    |
| 3   | <b>VNM</b> | HOSE | 8027.72      | 121.3%       | 1690.47      | 121.1%       | 22774.57        | 116.8%       | <b>5064.09</b>    | 21.4%        | 81.3%           | 4900.0%    |
| 4   | <b>DPM</b> | HOSE | 1902.32      | 56.4%        | 365.09       | 65.7%        | 8001.97         | 76.5%        | <b>1958.21</b>    | -21.5%       | 102.3%          | 2949.0%    |
| 5   | <b>HPG</b> | HOSE | 4194.85      | 104.3%       | 496.09       | 171.8%       | 12474.01        | 98.8%        | <b>1464.62</b>    | 78.9%        | 122.1%          | 4492.0%    |
| 6   | <b>PPC</b> | HOSE | 1200.53      | 174.8%       | 99.43        | 181.8%       | 4845.61         | 167.8%       | <b>1399.38</b>    | 1791.8%      | 417.2%          | 1130.0%    |
| 7   | <b>PVD</b> | HOSE | 3865.87      | 116.1%       | 520.03       | 105.8%       | 10395.31        | 124.9%       | <b>1392.61</b>    | 20.6%        | 102.4%          | 3879.0%    |
| 8   | <b>FPT</b> | HOSE | 12000.6      | 121.6%       | 330.59       | 97.7%        | 29948.2         | 105.2%       | <b>1133.7</b>     | 3.9%         | 57.1%           | 4900.0%    |
| 9   | <b>PVS</b> | HNX  | 7665.17      | 114.1%       | 482.2        | 137.1%       | 19289.7         | 106.3%       | <b>1024.4</b>     | 8.8%         | 129.7%          | 2329.0%    |
| 10  | <b>REE</b> | HOSE | 560.74       | 101.6%       | 199.87       | 260.2%       | 1683.5          | 97.0%        | <b>838.95</b>     | 71.8%        | 129.1%          | 4503.0%    |

**CỔ PHIẾU CÓ KẾT QUẢ KINH DOANH LỖ TRONG 2 NĂM LIÊN TIẾP VÀ 9T/2013**

| STT | Mã         | Sàn | LNST 2011 | LNST 2012  | LNST Q1 (tỷ) | % so Q1.2012 | LNSTQ2 (tỷ) | % so Q2.2012 | LNST Q3 (tỷ) | % so Q3.2012 | LNST 9T (tỷ) | % so 9T.2012 |
|-----|------------|-----|-----------|------------|--------------|--------------|-------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| 1   | <b>GGG</b> | HNX | (65.26)   | (27.34)    | 0.07         | 100.8%       | (7.05)      | 11.8%        | (7.01)       | 6.8%         | (13.99)      | 42.6%        |
| 2   | <b>HHL</b> | HNX | (12.96)   | (14.13)    | (0.78)       | 80.5%        | (2.89)      | 20.8%        | (0.75)       | 48.3%        | (4.42)       | 51.4%        |
| 3   | <b>ILC</b> | HNX | (31.81)   | (9.76)     | (3.74)       | -94.8%       | (5.22)      | 31.9%        | (3.41)       | -1520.8%     | (12.37)      | -32.3%       |
| 4   | <b>KSD</b> | HNX | (16.43)   | (34.90)    | (0.81)       | 95.9%        | (1.62)      | 88.1%        | 1.11         | 223.3%       | (1.32)       | 96.1%        |
| 5   | <b>MIC</b> | HNX | (15.16)   | (9.73)     | 0.16         | 106.0%       | 0.10        | 102.1%       | (1.07)       | -136.9%      | (0.81)       | 82.4%        |
| 6   | <b>MMC</b> | HNX | (2.78)    | (3.96)     | (2.74)       | -3.4%        | (1.04)      | -79.3%       | (1.17)       | -20.6%       | (4.95)       | -17.9%       |
| 7   | <b>PHS</b> | HNX | (47.39)   | (101.47)   | (2.27)       | 83.6%        | (3.73)      | 89.8%        | (8.13)       | 48.8%        | (14.13)      | 78.7%        |
| 8   | <b>PVA</b> | HNX | (2.16)    | (144.87)   | (2.43)       | -169.8%      | (16.29)     | -1562.2%     | (3.71)       | 70.9%        | (22.43)      | -118.8%      |
| 9   | <b>PVX</b> | HNX | (19.12)   | (1,338.39) | (31.87)      | -578.5%      | (1,194.45)  | -151.7%      | (173.22)     | -1095.4%     | (1,399.54)   | -190.2%      |
| 10  | <b>S96</b> | HNX | (46.90)   | (5.15)     | (0.79)       | 13.2%        | (0.19)      | 79.3%        | (0.31)       | 80.3%        | (1.29)       | 62.1%        |
| 11  | <b>SDB</b> | HNX | (28.93)   | (35.74)    | (8.37)       | -46.8%       | (14.75)     | -38.6%       | (9.89)       | -5.2%        | (33.01)      | -28.2%       |
| 12  | <b>SDY</b> | HNX | (17.88)   | (4.83)     | (4.01)       | -56.0%       | (3.68)      | -183.1%      | (0.81)       | -143.1%      | (8.50)       | -327.1%      |
| 13  | <b>SHN</b> | HNX | (146.02)  | (127.02)   | (2.70)       | 84.4%        | (53.16)     | 22.0%        | (6.75)       | 72.0%        | (62.61)      | 42.9%        |
| 14  | <b>SJM</b> | HNX | (8.38)    | (11.54)    | (0.91)       | -175.8%      | 0.23        | 103.5%       | 0.07         | 102.3%       | (0.61)       | 93.9%        |
| 15  | <b>VCV</b> | HNX | (6.54)    | (44.15)    | (9.80)       | -230.0%      | (15.31)     | -42.3%       | (6.80)       | 30.7%        | (31.91)      | -35.6%       |
| 16  | <b>VHH</b> | HNX | (3.77)    | (1.34)     | (1.98)       | -275.2%      | 0.25        | -51.9%       | (1.29)       | 32.8%        | (3.02)       | -1018.5%     |
| 17  | <b>VTC</b> | HNX | (7.55)    | (3.28)     | (2.53)       | 23.3%        | (0.80)      | 28.6%        | 0.26         | 117.9%       | (3.07)       | 47.7%        |

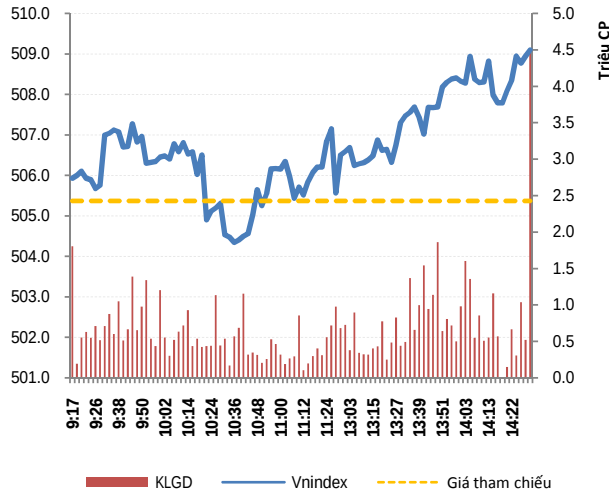
Ghi chú: Top cổ phiếu lợi nhuận chỉ lọc những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 11/12/2013

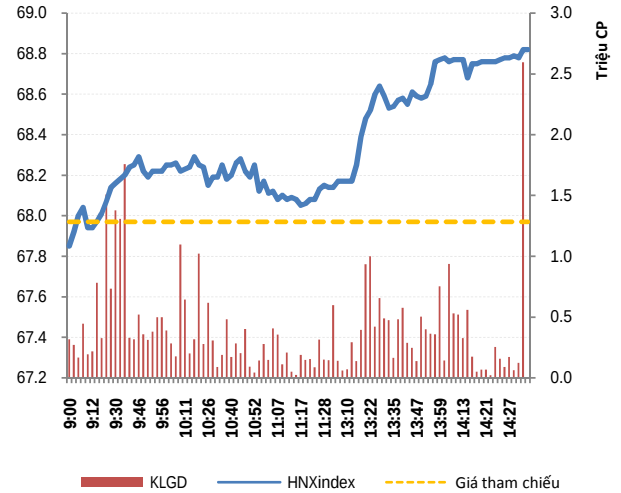
EPS tính theo 4 quý gần nhất, BVPS tính theo BCTC gần nhất



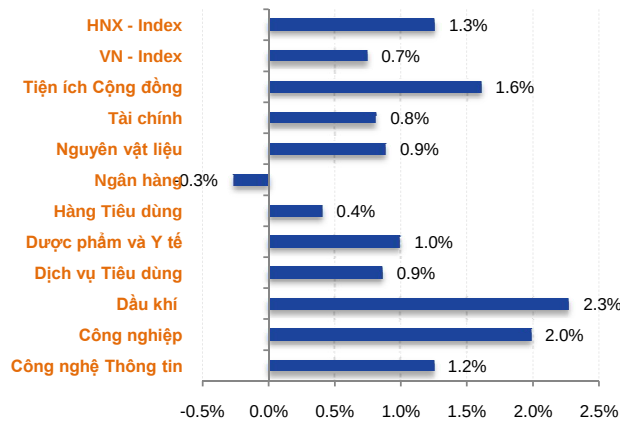
### KLGD và VN-Index trong phiên



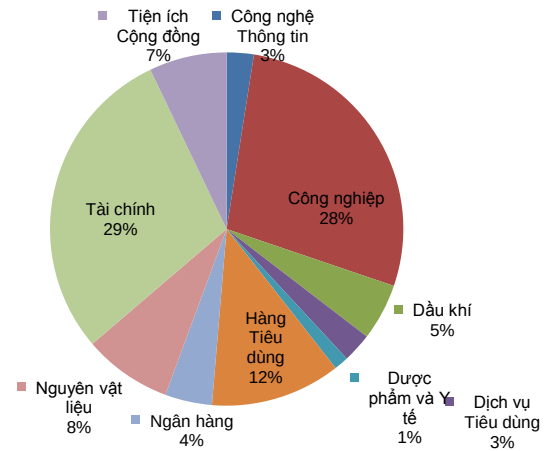
### KLGD và HNX-Index trong phiên



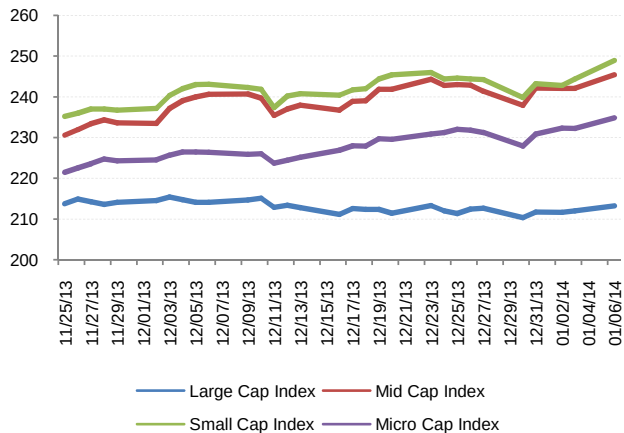
### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



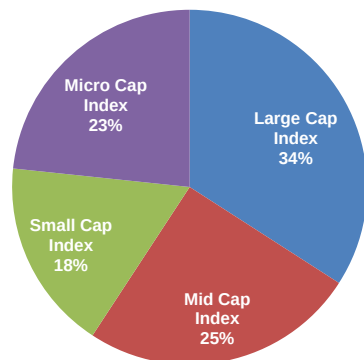
### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ  
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ  
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | HAG   | 199,590     | HQC   | 498,500     |
| 2  | HPG   | 195,820     | PVT   | 275,000     |
| 3  | TDH   | 184,000     | KBC   | 180,680     |
| 4  | VSH   | 177,520     | VCB   | 99,430      |
| 5  | BCI   | 165,220     | DRC   | 84,000      |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1  | PHS   | 71,600      | VCS   | 80,000      |
| 2  | HPC   | 30,000      | DBC   | 71,400      |
| 3  | IVS   | 30,000      | PVX   | 26,000      |
| 4  | EID   | 27,500      | BCC   | 20,000      |
| 5  | VIG   | 20,000      | PFL   | 15,700      |

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %        | KLGD      |
|-----|------------|----------|----------|-----------|
| FLC | 9.6        | 9.4      | ↓ -2.08% | 4,785,300 |
| HQC | 7.7        | 8.0      | ↑ 3.90%  | 4,153,170 |
| DLG | 5.1        | 5.4      | ↑ 5.88%  | 3,708,870 |
| TDC | 9.4        | 10.0     | ↑ 6.38%  | 3,010,100 |
| VHG | 7.6        | 8.1      | ↑ 6.58%  | 2,712,760 |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | %       | KLGD      |
|-----|------------|----------|---------|-----------|
| PVX | 3.2        | 3.4      | ↑ 5.03% | 7,767,153 |
| SHN | 3.9        | 4.1      | ↑ 4.97% | 3,826,879 |
| SCR | 7.5        | 7.7      | ↑ 2.35% | 3,199,003 |
| SHB | 6.8        | 6.8      | ↑ 0.01% | 2,464,407 |
| PVS | 20.2       | 20.8     | ↑ 3.15% | 2,097,129 |

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %       |
|-----|------------|----------|-----|---------|
| PXM | 1.2        | 1.3      | 0.1 | ↑ 8.33% |
| BTT | 29.0       | 31.0     | 2.0 | ↑ 6.90% |
| TNT | 2.9        | 3.1      | 0.2 | ↑ 6.90% |
| FDC | 19.0       | 20.3     | 1.3 | ↑ 6.84% |
| ITD | 7.3        | 7.8      | 0.5 | ↑ 6.85% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | %        |
|-----|------------|----------|-----|----------|
| SDC | 6.4        | 7.4      | 1.0 | ↑ 15.63% |
| INN | 27.0       | 29.7     | 2.7 | ↑ 10.00% |
| PSC | 9.0        | 9.9      | 0.9 | ↑ 10.00% |
| TET | 10.0       | 11.0     | 1.0 | ↑ 10.00% |
| VE4 | 8.0        | 8.8      | 0.8 | ↑ 10.00% |

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %        |
|-----|------------|----------|------|----------|
| FDG | 4.3        | 4.0      | -0.3 | ↓ -6.98% |
| CIG | 2.9        | 2.7      | -0.2 | ↓ -6.90% |
| SVT | 7.4        | 6.9      | -0.5 | ↓ -6.76% |
| CMV | 13.6       | 12.7     | -0.9 | ↓ -6.62% |
| CTI | 9.7        | 9.1      | -0.6 | ↓ -6.19% |

| Mã  | Giá TC (*) | Giá đóng | +/-  | %         |
|-----|------------|----------|------|-----------|
| VC1 | 16.0       | 14.4     | -1.6 | ↓ -10.00% |
| MDC | 9.1        | 8.2      | -0.9 | ↓ -9.89%  |
| S12 | 5.0        | 4.5      | -0.5 | ↓ -9.86%  |
| AMV | 7.2        | 6.5      | -0.7 | ↓ -9.72%  |
| THS | 6.5        | 5.9      | -0.6 | ↓ -9.23%  |

(\*) Giá điều chỉnh



## Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã  | KLGD      | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|-------|-----|
| FLC | 4,785,300 | 6.3%  | 990   | 9.5   | 0.6 |
| HQC | 4,153,170 | 4.2%  | 452   | 17.7  | 0.7 |
| DLG | 3,708,870 | 0.2%  | 21    | 253.8 | 0.5 |
| TDC | 3,010,100 | 11.3% | 1,290 | 7.8   | 0.9 |
| VHG | 2,712,760 | 15.8% | 1,635 | 5.0   | 0.7 |

## Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã  | KLGD      | ROE     | EPS     | P/E | P/B |
|-----|-----------|---------|---------|-----|-----|
| PVX | 7,767,153 | -92.1%  | (5,013) | -   | 0.9 |
| SHN | 3,826,879 | -135.7% | (2,464) | -   | 5.1 |
| SCR | 3,199,003 | -1.1%   | (160)   | -   | 0.5 |
| SHB | 2,464,407 | 17.1%   | 1,884   | 3.6 | 0.6 |
| PVS | 2,097,129 | 17.3%   | 2,872   | 7.4 | 1.2 |

## Top Đột biến giá HOSE

| Mã  | +/-%   | ROE    | EPS      | P/E  | P/B   |
|-----|--------|--------|----------|------|-------|
| PXM | ↑ 8.3% | 670.8% | (12,445) | -    | (0.2) |
| BTT | ↑ 6.9% | 15.0%  | 3,767    | 8.2  | 1.2   |
| TNT | ↑ 6.9% | -2.5%  | (297)    | -    | 0.3   |
| FDC | ↑ 6.8% | 8.7%   | 1,615    | 12.6 | 1.3   |
| ITD | ↑ 6.8% | 3.2%   | 523      | 14.9 | 0.5   |

## Top Đột biến giá HNX

| Mã  | +/-%    | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| SDC | ↑ 15.6% | 6.6%  | 1,254 | 5.9  | 0.4 |
| INN | ↑ 10.0% | 26.0% | 4,824 | 6.2  | 1.5 |
| PSC | ↑ 10.0% | 5.4%  | 1,218 | 8.1  | 0.4 |
| TET | ↑ 10.0% | 6.5%  | 799   | 13.8 | 1.0 |
| VE4 | ↑ 10.0% | 6.9%  | 987   | 8.9  | 0.6 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã  | KL mua  | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| HAG | 199,590 | 5.9%  | 1,095 | 19.1 | 1.2 |
| HPG | 195,820 | 18.6% | 3,913 | 10.8 | 1.9 |
| TDH | 184,000 | 1.9%  | 663   | 21.1 | 0.4 |
| VSH | 177,520 | 7.7%  | 963   | 15.5 | 1.2 |
| BCI | 165,220 | 2.5%  | 594   | 32.5 | 0.8 |

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã  | KL mua | ROE    | EPS     | P/E  | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| PHS | 71,600 | -25.1% | (1,416) | -    | 0.4 |
| HPC | 30,000 | -2.9%  | (201)   | -    | 0.5 |
| IVS | 30,000 | 0.0%   | (1)     | -    | 0.6 |
| EID | 27,500 | 17.8%  | 2,394   | 6.2  | 1.0 |
| VIG | 20,000 | 1.0%   | 62      | 51.4 | 0.5 |

## Top Vốn hóa HOSE

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E  | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| GAS | 126,965 | 40.9% | 6,696 | 10.0 | 3.8 |
| VNM | 113,352 | 40.5% | 8,053 | 16.9 | 6.7 |
| VIC | 64,065  | 47.1% | 6,710 | 10.5 | 3.9 |
| VCB | 62,802  | 9.8%  | 1,757 | 15.4 | 1.5 |
| CTG | 60,319  | 16.0% | 2,287 | 7.1  | 1.2 |

## Top Vốn hóa HNX

| Mã  | Vốn hóa | ROE   | EPS   | P/E   | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| ACB | 14,468  | 7.5%  | 1,027 | 15.3  | 1.1 |
| PVS | 9,515   | 17.3% | 2,872 | 7.4   | 1.2 |
| SQC | 8,602   | 1.6%  | 198   | 395.7 | 6.4 |
| SHB | 6,025   | 17.1% | 1,884 | 3.6   | 0.6 |
| OCH | 5,500   | 5.9%  | 687   | 40.0  | 2.6 |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã     | Beta | ROE    | EPS      | P/E  | P/B   |
|--------|------|--------|----------|------|-------|
| CLG    | 3.23 | 12.5%  | 1,402    | 6.2  | 0.7   |
| BVH    | 2.63 | 9.0%   | 1,618    | 23.7 | 2.2   |
| PXM    | 2.55 | 670.8% | (12,445) | -    | (0.2) |
| RIC    | 2.43 | -0.9%  | (139)    | -    | 0.4   |
| ASIAGF | 2.35 | N/A    | N/A      | N/A  | N/A   |

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã  | Beta  | ROE     | EPS     | P/E   | P/B   |
|-----|-------|---------|---------|-------|-------|
| TTZ | 12.26 | -0.2%   | (21)    | -     | 0.3   |
| V15 | 7.06  | -28.2%  | (2,889) | -     | 0.3   |
| ITQ | 6.72  | 0.4%    | 42      | 130.5 | 0.5   |
| PXA | 6.20  | -101.5% | (5,461) | -     | 0.6   |
| GGG | 5.78  | -566.7% | (1,900) | -     | 603.9 |





---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

**Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

**Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (84-4)-3818 1888  
Fax: (84-4)-3818 1688

**Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM  
Tel: (84-8)-3915 1368  
Fax: (84-8)-3915 1369

**Chi nhánh Đà Nẵng**

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng  
Tel: (84-511)-352 5777  
Fax: (84-511)-352 5779

---

**Website:** [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

*Người thực hiện:*

**Đoàn Thị Ánh Nguyệt**  
[nguyet.dta@shs.com.vn](mailto:nguyet.dta@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)*